TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN UH-TP HÀ NỘI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 01/2019/DS-ST
Ngày 16 tháng 4 N 2019
(V/v: Tranh chấp về nghĩa V thanh toán trong Hợp đồng mua bán tài sản)

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN UH, THÀNH PHỐ HÀ NỘI

- *Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Thiện
Các Hội thẩm nhân dân: bà Nguyễn Thị Vân; bà Bùi Thị Á Khanh
- *Thư ký phiên tòa*: Bà Tưởng Thị Lan - Thư ký Tòa án nhân dân huyện U Hoà, thành phố Hà Nội.
- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện UHtham gia phiên toà:*
Bà Nguyễn Thị Khuyến - Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 4 N 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện UHxét xử sơ thẩm công khai V án dân sự thụ lý số: 10/2019/TLST- DS ngày 11 tháng 3 N 2019 về "*Tranh chấp về nghĩa V thanh toán trong Hợp đồng mua bán tài sản"* theo Quyết định đưa V án ra xét xử số: 01/2019/QĐXXST-DS ngày 01 tháng 4 N 2019 giữa các đương sự:

***** ***Nguyên đơn***: Chị **Nguyễn Thị H** - sinh N 1975
Nơi ĐKHKTT: thôn DD, xã ĐH, huyện UH, thành phố Hà Nội

*** *Bị đơn***: Anh **Nguyễn Văn N** - sinh N 1968
Nơi ĐKHKTT: thôn CM, xã TL, huyện UH, thành phố Hà Nội

**** Những ng□ời có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:***

+ Anh Tô Văn V - sinh N 1971.Nơi ĐKHKTT: thôn DD, xã ĐH, huyện UH, thành phố Hà Nội

+ Chị Lê Thị U - sinh N 1965. Nơi ĐKHKTT: thôn CM, xã TL, huyện UH, thành phố Hà Nội.

(Anh N, chị U có đơn xin vắng mặt; anh V, chị H có mặt).

NỘI DUNG V ÁN:

Tại đơn khởi kiện, bản tự khai, Biên bản lấy lời khai, Biên bản hòa giải có trong hồ sơ V án - nguyên đơn chị Nguyễn Thị H trình bày: ông N có mua cám cò chăn nuôi của vợ chồng chị từ khoảng tháng 9/2017 cho đến tháng 3/2018, giữa hai bên mua bán diễn ra rất nhiều lần và đến ngày 25/3/2018 hai bên đã chốt công nợ

thì anh N còn nợ vợ chồng chị tổng số tiền mua cám cò là 63.580.000 đồng, việc chốt nợ này được ghi chép đầy đủ trong sổ sách của chị có đầy đủ chữ ký của anh N. Việc mua bán giữa hai bên chỉ thoả thuận bằng miệng về giá cả hay thời gian trả nợ, khi nào anh N mua cám của nhà chị thì có ký nhận vào sổ về việc nhận số lượng cám và giá tiền. Anh N mua cám cò của vợ chồng chị về để chăn nuôi trang trại đa canh của gia đình anh N, việc này vợ con anh N cũng biết và chU kiến. Sau ngày chốt lại công nợ nêu trên thì đến ngày 29/6/2018 anh N đã trả được cho vợ chồng chị số tiền 10.000.000đồng, khoảng tháng 7/2018 anh N tiếp tục trả cho vợ chồng chị số tiền 5.000.000đồng. Như vậy, tổng cộng vợ chồng anh N đã trả nợ cho vợ chồng chị được 15.000.000đồng, hiện còn nợ lại 48.580.000 đồng. Vợ chồng chị đã rất nhiều lần đến nhà gặp anh N yêu cầu anh N trả nợ nhưng anh N không trả, còn có hành vi nhốt chồng chị - anh V ở trong nhà anh N để gọi người đánh, dùng dao doạ ép chồng chị phải viết giấy đã hết nợ nhưng chồng chị cương quyết không viết.

Nay để bảo đảm quyền và lợi ích hợp pháp của mình, chị làm đơn khởi kiện đến Tòa án nhân dân huyện UHđề nghị buộc anh Nguyễn Văn N trả ngay cho chị số tiền 48.580.000đồng nợ gốc (*Bốn mươi tám triệu N trăm tám mươi nghìn đồng chẵn*) tiền mua cám cò chăn nuôi của chị như đã nêu trên. Về khoản tiền nợ lãi chị không không yêu cầu anh N phải trả.

Tại Biên bản lấy lời khai và Biên bản hòa giải có trong hồ sơ V án - ông Nguyễn Văn N trình bày: ông thừa nhận hiện nay ông còn nợ tiền mua cám cò của vợ chồng chị H anh V số tiền 48.580.000 đồng (*Bốn mươi tám triệu N trăm tám mươi nghìn đồng chẵn)*. Do kinh tế gia đình gặp khó khăn nên hiện nay ông không có tiền để trả nợ vợ chồng chị H anh V, ông đề nghị Toà án và vợ chồng anh V chị H tạo điều kiện cho ông thêm giời gian khoảng một N rưỡi nữa ông sẽ thu xếp trả đủ tiền cho vợ chồng chị H anh V. Về số tiền lãi ông xin vợ chồng anh V chị H bỏ qua cho.

Tại Bản tự khai, Biên bản lấy lời khai và Biên bản hòa giải có trong hồ sơ V án, người có quyền lợi và nghĩa V liên quan - anh V trình bày: anh hoàn toàn nhất trí với lời trình bày của chị H là vợ anh nêu trên. Anh yêu cầu anh N có nghĩa V thanh toán trả nợ cho vợ chồng anh số tiền nợ gốc còn nợ nêu trên là 48.580.000 đồng (*Bốn mươi tám triệu N trăm tám mươi nghìn đồng chẵn)*.

Tại Bản tự khai, Biên bản lấy lời khai và Biên bản hòa giải có trong hồ sơ V án, người có quyền lợi và nghĩa V liên quan - bà U trình bày: bà hoàn toàn nhất trí với nội dung trình bày của ông N là chồng bà như nêu trên. Vì hoàn cảnh kinh tế gia đình khó khăn bà mong vợ chồng anh V chị H giãn nợ cho vợ chồng bà. Về số tiền nợ lãi bà xin anh V chị H bỏ qua cho.

Tại phiên tòa, nguyên đơn và người có quyền lợi và nghĩa V liên quan vẫn giữ nguyên quan điểm như đã trình bày. Tại đơn xin xét xử vắng mặt bị đơn và người có quyền lợi và nghĩa V liên quan cũng trình bày giữ nguyên quan điểm như đã trình bày.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện UHphát biểu ý kiến: Quá trình giải quyết V án Tòa án đã thực hiện đầy đủ các quy định về tố tụng dân sự như tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho các đương sự, tạo điều kiện cho họ được trình bày quan điểm, tiến hành hòa giải theo đúng quy định. Hội đồng tiến hành xét xử V án đúng quy định của pháp luật.

Về nội dung V án: Căn cứ các quy định pháp luật đề nghị Tòa án:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị H đối với ông Nguyễn Văn N: Buộc ông Nguyễn Văn N phải thanh toán cho chị Nguyễn Thị H số tiền nợ gốc 48.580.000đ (*Bốn mươi tám triệu N trăm tám mươi nghìn đồng chẵn*).

2. Về án phí: Các đ- ơng sự phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

3. Về quyền kháng cáo: Các đ- ơng sự có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đ- ợc thẩm tra tại phiên Toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, ý kiến của các đ- ơng sự, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Tranh chấp trong vụ án này là Hợp đồng mua bán cám cò giữa chị Nguyễn Thị H với ông Nguyễn Văn N. Theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a Khoản 1 Điều 35; điểm a Khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 và Nghị quyết số 03/2012/NQ - HĐTP ngày 03/12/2012 của Hội đồng thẩm phán Toà án nhân dân dân Tối cao h- ớng dẫn quy định của Bộ luật tố tụng dân sự ; chị Nguyễn Thị H khởi kiện theo quy định của pháp luật nên Tòa án nhân dân huyện UHthụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền; ông Nguyễn Văn N có đơn xin xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử V án vắng mặt ông N theo quy định Điều 228 Bộ luật Tố tụng Dân sự là đúng quy định pháp luật.

[2] Về nội dung V án: Việc mua bán cám cò giữa vợ chồng chị H anh V với vợ chồng ông N bà U diễn ra từ tháng 9/2017 đến tháng 3/2018, thông qua hình thức giao nhận trực tiếp, có chữ ký của bên mua cám (ông N) vào sổ ghi chép công nợ nhận hàng để xác nhận số lượng hàng nhận, giá tiền và thành tiền là bao nhiêu; sau khi thu hoạch trang trại ông N sẽ thanh toán tiền với vợ chồng chị H, anh V. Chị H và ông N đều thừa nhận hai bên đã đối chiếu công nợ vào ngày 25/3/2018 ông N còn nợ tiền mua cám cò của vợ chồng chị H, anh V số tiền là 63.580.000đồng, sau một thời gian ông N đã trả được cho chị H anh V số tiền

15.000.000đồng và hiện còn nợ lại 48.580.000đồng (*Bốn mươi tám triệu N trăm tám mươi nghìn đồng chẵn*). Như vậy, việc mua bán cám cò giữa hai bên là hoàn toàn tự nguyện, tại thời điểm giao kết hợp đồng mua bán nguyên đơn, bị đơn đều có đủ năng lực giao kết hợp đồng nên việc mua bán trên là hợp pháp. Quá trình thực hiện hợp đồng, bên bán - chị H anh V đã thực hiện đầy đủ nghĩa V giao hàng của mình nhưng bên mua - ông N không thực hiện nghĩa V thanh toán sau khi có chốt công nợ mặc dù đã được nguyên đơn nhắc nhở nhiều lần. Như vậy, bị đơn đã vi phạm nghĩa V thanh toán theo thoả thuận trong Hợp đồng mua bán cám cò.

Tại phiên toà, nguyên đơn chỉ yêu cầu bị đơn có nghĩa V thanh toán ngay khoản nợ gốc 48.580.000 đồng (*Bốn mươi tám triệu N trăm tám mươi nghìn đồng chẵn),* về số tiền lãi nguyên đơn không yêu cầu.

Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử căn cứ các Điều 430, 440 Bộ luật Dân sự, cần xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Nguyên đơn, buộc vợ chồng ông Nguyễn Văn N phải có nghĩa V thanh toán, trả nợ cho vợ chồng chị Nguyễn Thị H số tiền 48.580.000 đồng (*Bốn mươi tám triệu N trăm tám mươi nghìn đồng*).

Về án phí: Bị đơn phải chịu án phí theo quy định pháp luật.

Hoàn trả chị Nguyễn Thị H 1.214.000đ án phí dân sự sơ thẩm đã nộp tại biên lai số 0009017 ngày 13/3/2019 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện U Hoà.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng các Điều 430 và 440 và Điều 357 Bộ luật Dân sự N 2015; khoản 3 Điều 26, điểm a Khoản 1 Điều 35; điểm a Khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 228, 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 và Nghị quyết số 03/2012/NQ - HĐTP ngày 03/12/2012 của Hội đồng thẩm phán Toà án nhân dân dân Tối cao h- ớng dẫn quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết 326 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường V Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị H về việc "*Tranh chấp về nghĩa V thanh toán trong Hợp đồng mua bán tài sản"*.

Buộc vợ chồng ông Nguyễn Văn N phải có nghĩa V thanh toán, trả nợ cho vợ chồng chị Nguyễn Thị H số tiền 48.580.000đồng *(Bốn mươi tám triệu N trăm tám mươi nghìn đồng chẵn).*

Kể từ ngày vợ chồng chị Nguyễn Thị H có đơn yêu cầu thi hành án thì hàng tháng vợ chồng ông Nguyễn Văn N còn phải chịu lãi theo mức lãi suất 10%/ N tương U với thời gian và số tiền còn phải thi hành.

2. Về án phí: Ông Nguyễn Văn N phải chịu 2.429.000đồng án phí Dân sự sơ thẩm. Hoàn trả chị Nguyễn Thị H 1.214.000đ án phí dân sự sơ thẩm đã nộp tại biên lai số 0009017 ngày 13/3/2019 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện U Hoà.

Tr- ờng hợp Bản án, Quyết định đ- ợc thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án Dân sự thì ng- ời đ- ợc thi hành án dân sự, ng- ời phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án, buộc bị c- ỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 9 Luật Thi hành án Dân sự. Thời hiệu thi hành án đ- ợc thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án Dân sự.

3. Về quyền kháng cáo: Các đ- ơng sự có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đối với đ- ơng sự vắng mặt kể từ ngày bản án đ- ợc giao hợp lệ hoặc niêm yết tại trụ sở UBND xã nơi th- ờng trú./.

Nơi nhận:
- TAND TP Hà Nội;
- VKSND huyện UH;
- Chi cục THADS UH;
- Các đ- ơng sự;
- L- u h/s; v/p./.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Nguyễn Văn Thiện